



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **11908** /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 06 tháng 10 năm 2020

KẾ HOẠCH
Truyền thông Dân số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030

Căn cứ Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030;

Thực hiện Quyết định số 2235/QĐ-BYT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ Y tế ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Truyền thông Dân số tỉnh Đồng Nai đến năm 2030 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tuyên truyền nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận, chuyển đổi hành vi và ủng hộ tích cực của toàn xã hội trong việc giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số đặt trong mối quan hệ hữu cơ với phát triển kinh tế - xã hội; duy trì mức sinh thay thế, khuyến khích sinh đủ 2 con; cải thiện tình trạng sức khỏe sinh sản; duy trì tỷ số giới tính khi sinh ở mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả lợi thế cơ cấu dân số vàng; thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Mục tiêu 1: Nâng cao nhận thức của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, sở, ban ngành, đoàn thể để huy động sự tham gia và cam kết đối với công tác dân số thông qua việc chỉ đạo, đầu tư nguồn lực, lồng ghép các vấn đề dân số trong chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tận dụng hiệu quả lợi thế cơ cấu dân số vàng; nâng cao chất lượng dân số; duy trì vững chắc mức sinh thay thế; phân bố dân số hợp lý; thích ứng với già hóa dân số; đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Hàng năm, 100% tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan, ban, ngành, đoàn thể các cấp được phổ biến, cập nhật thông tin về chương trình dân số và phát triển.

b) Mục tiêu 2: Truyền thông nâng cao nhận thức, hiểu biết, sự ủng hộ và tích cực thực hiện của mọi người dân, đặc biệt là các cặp vợ chồng, nam, nữ ở độ tuổi sinh đẻ trong cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có hai con, góp phần duy trì vững chắc mức sinh thay thế.

- 95% các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ hai con; quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt; hệ lụy của mức sinh thấp; lợi ích của việc thực hiện các biện pháp tránh thai, góp phần thực hiện thành công cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng sinh đủ hai con, duy trì vững chắc mức sinh thay thế.

- 95% các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ hiểu biết đầy đủ về lợi ích của cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ hai con; hệ lụy của mức sinh thấp; lợi ích của việc thực hiện các biện pháp tránh thai.

- 95% các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ sẵn sàng chấp nhận thực hiện kế hoạch hóa gia đình, cam kết sinh đủ hai con.

c) Mục tiêu 3: Truyền thông nâng cao nhận thức của toàn xã hội về lợi ích của việc kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, giá trị và quyền bình đẳng của trẻ em gái và không thực hiện lựa chọn giới tính thai nhi.

- 95% các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ, ông bà, cha mẹ được cung cấp thông tin và hiểu được thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của mất cân bằng giới tính khi sinh; 80% các cặp vợ chồng cam kết không lựa chọn giới tính thai nhi.

- 100% cán bộ và nhân viên y tế, cơ sở y tế trong tỉnh có cung cấp các dịch vụ liên quan đến lựa chọn giới tính thai nhi hiểu và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi.

- 100% các cơ sở giáo dục trong tỉnh tiếp tục thực hiện việc giáo dục giới tính, bình đẳng giới, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh thông qua việc tích hợp các nội dung này vào các môn học và hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông.

- 100% các cơ quan truyền thông đại chúng trong tỉnh thường xuyên tuyên truyền về thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của mất cân bằng giới tính khi sinh, giá trị của trẻ em gái, vị thế của phụ nữ, bình đẳng giới.

- 95% vị thành niên/thanh niên, nam, nữ sắp kết hôn được cung cấp kiến thức về các hành vi vi phạm pháp luật về lựa chọn giới tính thai nhi; 80% trong số đó hiểu biết đầy đủ các hành vi vi phạm pháp luật về lựa chọn giới tính thai nhi.

d) Mục tiêu 4: Truyền thông nâng cao nhận thức, hiểu biết, kỹ năng thực hành của mọi người dân về các vấn đề liên quan đến tầm soát, chẩn đoán, điều trị sớm bệnh, tật trước sinh, sơ sinh; tuyên truyền, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của người dân nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, tiến tới đẩy lùi tình trạng này góp phần nâng cao chất lượng dân số.

- 95% nam, nữ thanh niên, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về lợi ích của việc tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, hậu quả của tảo

hôn, hôn nhân cận huyết, các nội dung liên quan đến chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình.

- 95% cha mẹ có con trong độ tuổi vị thành niên/thanh niên tại các vùng sâu, vùng xa được cung cấp các thông tin về hậu quả của tảo hôn, kết hôn cận huyết thống.

- 95% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về lợi ích của tầm soát, chẩn đoán, điều trị sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh. 80% hiểu rõ được những kiến thức cơ bản của tầm soát, chẩn đoán trước sinh, sơ sinh.

- 85% phụ nữ mang thai đồng ý tham gia tầm soát trước sinh và 95% bà mẹ đồng ý tầm soát sơ sinh.

đ) Mục tiêu 5: Truyền thông nâng cao nhận thức, thái độ, kỹ năng thực hành của vị thành niên, thanh niên và đề cao vai trò, trách nhiệm của gia đình, nhà trường, cộng đồng trong việc giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình cho vị thành niên, thanh niên nhằm giảm tình trạng mang thai ngoài ý muốn ở nhóm đối tượng này.

- 100% các cơ sở giáo dục trong tỉnh tiếp tục thực hiện tuyên truyền về dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình thông qua việc tích hợp các nội dung này vào các môn học và hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông.

- 90% trẻ em vị thành niên/thanh niên được cung cấp, cập nhật kiến thức và hiểu; có kỹ năng thực hành về dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình như biết cách phòng tránh các bệnh lây truyền qua đường tình dục, biết lựa chọn các biện pháp tránh thai phù hợp, hiểu được tác hại của việc phá thai, nắm được địa chỉ cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình...

- 80% cha mẹ có con trong tuổi vị thành niên/thanh niên ủng hộ, hướng dẫn, hỗ trợ con cái chủ động tìm hiểu thông tin, kiến thức và tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình.

e) Mục tiêu 6: Truyền thông nâng cao nhận thức, tạo môi trường đồng thuận và tích cực tham gia của toàn xã hội vào phong trào hỗ trợ, chăm sóc nâng cao sức khỏe người cao tuổi.

- 85% người cao tuổi hoặc người thân trực tiếp chăm sóc người cao tuổi được cung cấp kiến thức, hiểu và áp dụng về các biện pháp chăm sóc sức khỏe phù hợp, biết cách tự xử lý bước đầu một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi, có kiến thức về chế độ dinh dưỡng và chế độ luyện tập phù hợp, lợi ích của việc khám sức khỏe định kỳ.

- 95% người dân hiểu được nghĩa vụ, trách nhiệm, đạo lý truyền thống trong chăm sóc, giúp đỡ và phát huy vai trò người cao tuổi; nghĩa vụ, trách nhiệm quan tâm, phụng dưỡng người cao tuổi; hình thành nền tảng nhận thức xã hội và ý thức, trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc chủ động tự lo cho tuổi già khi còn trẻ.



II. THỜI GIAN VÀ PHẠM VI THỰC HIỆN, ĐỐI TƯỢNG

1. Thời gian và phạm vi thực hiện

Kế hoạch được triển khai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2020 đến năm 2030 chia làm 2 giai đoạn như sau:

a) Giai đoạn 1 (2021 - 2025): Đổi mới toàn diện về nội dung, đa dạng các hình thức, phương pháp truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng; nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi của toàn xã hội về công tác dân số trong tình hình mới.

b) Giai đoạn 2 (2026 - 2030): Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác truyền thông dân số; tập trung khai thác, phát triển những lợi thế của công nghệ thông tin và các loại hình truyền thông khác; nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng thực hành trong công tác dân số và phát triển đến từng nhóm đối tượng.

2. Đối tượng

a) Các nhóm đối tượng truyền thông vận động: Cấp ủy Đảng và chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở; những người có uy tín trong cộng đồng (Già làng, trưởng khu/ấp, các chức sắc tôn giáo; trí thức, văn nghệ sỹ); cán bộ truyền thông, phóng viên báo chí, cán bộ y tế dân số cung cấp dịch vụ...

b) Các nhóm đối tượng chuyển đổi hành vi: Vị thành niên, thanh niên (10 - 25 tuổi); nam, nữ, các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ (15 - 49 tuổi); người 60 tuổi trở lên; nhóm dân số đặc thù (đồng bào theo đạo, người lao động làm việc trong nhà máy, công ty, người làm việc theo thời vụ, dân tộc thiểu số...).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường cung cấp thông tin về dân số và phát triển đến cấp ủy, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể các cấp

a) Xây dựng chính sách, quy định thực hiện công tác dân số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

b) Định kỳ cung cấp thông tin cho cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp về kết quả hoạt động về công tác dân số và phát triển của địa phương; đánh giá những thuận lợi khó khăn bất cập trong quá trình triển khai thực hiện.

c) Kịp thời tham mưu với cấp ủy, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể các cấp lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác dân số và phát triển; tổ chức hội nghị, hội thảo, báo cáo chuyên đề, sơ kết, tổng kết quá trình công tác; thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động về công tác này.

d) Sản xuất tài liệu truyền thông (bản tin Dân số và phát triển, phóng sự, video, clip...) cập nhật thông tin về dân số và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đăng tải trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

2. Huy động các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội tham gia truyền thông về dân số và phát triển; tiếp tục xây dựng, triển khai các chương trình

phối hợp, tập trung xây dựng các mô hình, hoạt động truyền thông toàn diện các nội dung về dân số và phát triển

a) Triển khai Kế hoạch này vào năm 2020, sơ kết giữa kỳ vào năm 2025 và tổng kết vào năm 2030.

b) Hàng năm ký kết các chương trình phối hợp giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan, đưa nội dung truyền thông dân số và phát triển vào kế hoạch, chương trình công tác; tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn, giao lưu, tọa đàm, biên soạn tài liệu truyền thông; triển khai mô hình truyền thông phù hợp với các nhóm đối tượng do các tổ chức, cơ quan, đơn vị quản lý.

c) Huy động các chức sắc tôn giáo, già làng, trưởng ấp/khu phố, người có uy tín trong cộng đồng, người nổi tiếng tích cực ủng hộ các hành vi có lợi về dân số và phát triển; lồng ghép nội dung truyền thông dân số và phát triển vào sinh hoạt của cộng đồng, sinh hoạt văn hóa dân gian... đưa các tiêu chí về dân số và phát triển vào hương ước, quy ước của cộng đồng, vào tiêu chuẩn làng, ấp văn hóa, gia đình văn hóa.

d) Tổ chức các sự kiện truyền thông, hưởng ứng kỷ niệm các Ngày Dân số Thế giới, Ngày Quốc tế trẻ em gái, Ngày Tránh thai thế giới, Ngày Thalassemia Thế giới, Ngày Quốc tế Người cao tuổi, Tháng hành động Quốc gia về Dân số và các sự kiện truyền thông khác... nhằm thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia; tạo dư luận xã hội đồng thuận, ủng hộ chính sách dân số và phát triển.

3. Đa dạng hóa các loại hình, sản phẩm truyền thông về dân số và phát triển; bảo đảm chất lượng, đổi mới về hình thức, nội dung. Cung cấp trang thiết bị, phương tiện truyền thông phù hợp, ưu tiên tuyến cơ sở, nhất là các xã vùng xa

a) Sản xuất, nhân bản các tài liệu và sản phẩm truyền thông (Tờ rơi, sách mỏng, sửa chữa và làm mới pa nô, bản tin nội bộ, chuyên đề, phóng sự, các đoạn phim ngắn, video clip...) phù hợp theo từng nhóm đối tượng về nội dung, hình ảnh, ngôn ngữ.

b) Xây dựng kế hoạch đầu tư, cung cấp trang thiết bị, phương tiện truyền thông phù hợp, hiệu quả cho đội ngũ cán bộ làm công tác truyền thông các cấp.

c) Huy động cộng đồng tham gia các cuộc thi sáng tác tranh, kịch bản, ca khúc, thơ ca, hò vè, triển lãm ảnh... về các nội dung mới của công tác dân số.

d) Thường xuyên cập nhật các thông tin dân số và phát triển trên các báo điện tử, mạng xã hội, làm mới hình thức tuyên truyền bằng các phóng sự ảnh, hoặc bằng video, âm thanh để độc giả dễ dàng tiếp cận vấn đề hơn ngoài văn bản và hình ảnh truyền thông.

4. Đẩy mạnh truyền thông thay đổi hành vi về dân số và phát triển trên các chuyên trang, chuyên mục, chương trình, phóng sự, tin bài; lồng ghép nội dung truyền thông dân số và phát triển vào các sự kiện truyền thông; tận dụng tối đa lợi thế của công nghệ thông tin

a) Cung cấp thông tin, phối hợp với các cơ quan truyền thông tăng thời lượng phát sóng, đăng tải các tin, bài, phóng sự... về dân số và phát triển.

b) Mở rộng các hình thức truyền thông hiện đại để cung cấp thông tin, tư vấn về dân số và phát triển qua internet, trang tin điện tử, mạng xã hội, điện thoại di động và các phương tiện truyền thông khác; luôn đổi mới hình thức nội dung truyền thông để phù hợp các nhóm đối tượng vị thành niên/thanh niên, nam giới và phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ.

c) Tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo, các chuyến đi thực tế cho đội ngũ phóng viên, các cán bộ dân số để học tập, nắm bắt tình hình thực hiện công tác dân số và phát triển tại các địa phương.

5. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động truyền thông trực tiếp trong hệ thống dân số các cấp; phát huy vai trò đội ngũ cán bộ, cộng tác viên làm công tác dân số, y tế cơ sở nhằm hình thành và duy trì bền vững hành vi tích cực về dân số và phát triển của các tầng lớp nhân dân

a) Hàng năm tổ chức mít tinh, cổ động, diễu hành, nói chuyện chuyên đề nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn và các ngày kỷ niệm của ngành dân số.

b) Tổ chức tốt các đợt chiến dịch truyền thông lồng ghép với cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình đến vùng xa, mức sinh chưa ổn định và những vùng còn nhiều hạn chế trong việc thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu dân số.

c) Thường xuyên lồng ghép nội dung dân số và phát triển vào các cuộc họp, sinh hoạt văn nghệ, thể thao, giải trí của nhân dân tại khu dân cư, điểm dân cư; đưa chính sách dân số và phát triển vào hương ước, quy ước của cộng đồng, tiêu chuẩn ấp/khu phố văn hóa, gia đình văn hóa;

d) Duy trì và đẩy mạnh hoạt động truyền thông, tư vấn trực tiếp của đội ngũ cộng tác viên dân số, nhân viên y tế ấp/khu phố khi đến thăm hộ gia đình;

đ) Định kỳ bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, kỹ năng truyền thông, cập nhật thông tin về dân số và phát triển cho những người làm công tác truyền thông, đặc biệt là đối với đội ngũ cộng tác viên dân số, nhân viên y tế ấp/khu phố là những người trực tiếp truyền thông tại hộ gia đình.

e) Đẩy mạnh phong trào luyện tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý; tổ chức hội thao quần chúng nhằm thu hút các tầng lớp nhân dân tham gia; chú trọng nêu gương những đơn vị, cá nhân, gia đình điển hình.

g) Tăng cường mạng lưới cán bộ phụ trách truyền thông dân số đến cấp huyện, xã/phường/thị trấn; có chính sách ưu đãi đối với cán bộ làm công tác này.

6. Mở rộng các hình thức truyền thông, giáo dục thân thiện với trẻ em vị thành niên, thanh niên; đề cao vai trò, trách nhiệm của gia đình, nhà trường và cộng đồng trong việc phổ biến kiến thức, kỹ năng về dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới tính, bình đẳng giới, không kết hôn sớm, không kết hôn cận huyết thống cho trẻ em vị thành niên, thanh niên

a) Triển khai các mô hình giáo dục hiệu quả, truyền thông chuyên biệt cho vị thành niên/thanh niên như nhóm giáo dục đồng đẳng, câu lạc bộ, góc thân thiện tại các trường phổ thông, trường dạy nghề, các khu dân cư, khu công nghiệp, các doanh nghiệp và tại cơ sở cung cấp dịch vụ dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình.

b) Hàng năm tổ chức đào tạo lại, đào tạo nâng cao về kỹ năng làm việc với vị thành niên/thanh niên, kỹ năng tư vấn cho người cung cấp dịch vụ dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình để bảo đảm cung cấp các dịch vụ mang tính thân thiện, bình đẳng, riêng tư, bảo mật và phù hợp với tâm lý của vị thành niên/thanh niên.

c) Sản xuất các sản phẩm truyền thông và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, giải trí phù hợp với vị thành niên/thanh niên.

7. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác truyền thông; huy động sự tham gia, đóng góp phương tiện, nguồn lực của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp cho công tác truyền thông về dân số và phát triển

a) Tổ chức tập huấn, nói chuyện chuyên đề, truyền thông trực tiếp, gián tiếp... nhằm cung cấp, cập nhật kiến thức và huy động sự ủng hộ của cán bộ chính quyền, đoàn thể các cấp đối với xã hội hóa công tác truyền thông về dân số và phát triển.

b) Tổ chức các chiến dịch, hoạt động, sự kiện truyền thông về dân số và phát triển nhân các ngày lễ, kỷ niệm của ngành có sự đóng góp nguồn lực của các tổ chức, doanh nghiệp, tập thể, cá nhân quan tâm; tạo sự đồng thuận, ủng hộ của lãnh đạo chính quyền, ban, ngành, đoàn thể các cấp trong quá trình tổ chức thực hiện cũng như định hướng dư luận cho người dân trong tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi để các tập thể, cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động truyền thông về dân số và phát triển trên cơ sở công - tư đều bình đẳng và có lợi.

c) Tìm kiếm và xây dựng nội dung hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp, các ngành nghề có điều kiện và có thể hỗ trợ cho ngành dân số để nâng cao chất lượng truyền thông, giáo dục về dân số và phát triển ở các cấp, nhất là ở cơ sở.

8. Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ truyền thông trong hệ thống dân số và cán bộ truyền thông, báo cáo viên, tuyên truyền viên, cộng tác viên các ban ngành đoàn thể các cấp

a) Cung cấp thông tin cập nhật về dân số và phát triển, chính sách, pháp luật mới ban hành; hướng dẫn về nội dung truyền thông ưu tiên; thông điệp chuẩn của vấn đề, chủ đề dân số cho đội ngũ phóng viên báo chí của cơ quan truyền thông đại chúng, cán bộ truyền thông của các trung tâm, điểm tư vấn các cấp thông qua các hội thảo, các chuyến đi thực tế ở địa phương.

b) Tổ chức tập huấn cập nhật kiến thức kỹ thuật, kỹ năng sử dụng các phương tiện truyền thông hiện đại trên trang tin điện tử, mạng xã hội, qua internet,

điện thoại di động, thiết bị chuyên tải thông tin cho cán bộ thực hiện.

c) Tham gia tập huấn về nghiệp vụ truyền thông do trung ương tổ chức và tập huấn cho đội ngũ cán bộ truyền thông cấp huyện, cấp xã và các sở, ban, ngành, đoàn thể địa phương.

d) Tổ chức tập huấn kiến thức về giáo dục giới tính, bình đẳng giới, kiểm soát về mất cân bằng giới tính khi sinh cho đội ngũ cán bộ giáo viên, THCS, THPT để tích hợp vào các môn học chính khóa và hoạt động ngoại khóa.

9. Tăng cường kiểm tra, giám sát, hỗ trợ kỹ thuật định kỳ và đột xuất; đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, kịp thời tuyên dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch

a) Tổ chức định kỳ và đột xuất các chuyến đi kiểm tra, giám sát với sự tham gia của các ban ngành, đoàn thể liên quan;

b) Xây dựng và cung cấp biểu mẫu báo, phiếu giám sát cho địa phương.

IV. KINH PHÍ

1. Ngân sách Trung ương từ nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số;

2. Ngân sách địa phương bảo đảm khả năng cân đối và phân cấp ngân sách hiện hành, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ y tế, dân số, lồng ghép trong các chương trình, dự án có liên quan theo quy định.

3. Huy động sự tham gia, đóng góp, hỗ trợ của các tổ chức trong và ngoài nước;

4. Các nguồn kinh phí khác (nếu có).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này, bảo đảm gắn kết chặt chẽ với các Chương trình, kế hoạch liên quan do các Sở, ngành chủ trì thực hiện.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch và định kỳ báo cáo UBND tỉnh; tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết và đề xuất khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong công tác truyền thông dân số.

c) Chủ trì, phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Liên đoàn Lao động tỉnh xây dựng và triển khai các mô hình truyền thông giáo dục hiệu quả (câu lạc bộ, góc thân thiện tại các trường phổ thông, trường dạy nghề, các khu dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất, các doanh nghiệp và tại cơ sở cung cấp dịch vụ dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình trong tỉnh).

d) Phối hợp với Báo Đồng Nai, Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai tăng thời lượng phát sóng, đăng tải các tin, bài, phóng sự ... về dân số và phát triển; giao lưu, tọa đàm trên Đài Phát thanh và Truyền hình để tuyên truyền về dân số.

đ) Phối hợp với Trường Chính trị tỉnh đào tạo, tập huấn các nội dung về dân số và phát triển.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Y tế, các sở, ngành liên quan, hàng năm cân đối ngân sách, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch Truyền thông theo quy định.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Phối hợp với các sở, ngành địa phương tổ chức truyền thông nâng cao nhận thức của người dân về hỗ trợ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; bảo vệ, chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới, lồng ghép tuyên truyền về các chính sách dân số trong tình hình mới.

b) Hỗ trợ tài liệu truyền thông liên quan đến hoạt động giới và bình đẳng giới; phối hợp truyền thông, tư vấn các vấn đề về thực trạng, hệ lụy của mất cân bằng giới tính khi sinh, kiến thức về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại nhà cho các nhóm, các mô hình truyền thông có sẵn.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, chỉ đạo, định hướng các cơ quan truyền thông đại chúng của tỉnh tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về dân số và phát triển; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực xuất bản nhằm phát hiện và xử lý vi phạm đối với việc in ấn, xuất bản các tài liệu có nội dung trái với chính sách dân số.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu có liên quan đến công tác dân số và phát triển trong việc thực hiện Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế truyền thông các vấn đề liên quan đến dân số và phát triển như: chăm sóc sức khỏe sinh sản liên quan trực tiếp đến cuộc sống vợ chồng; chăm sóc, nuôi dạy con, quản lý kinh tế gia đình; củng cố giá trị mỗi gia đình nên có hai con, nuôi dạy con tốt và xây dựng gia đình bình đẳng, ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, không kết hôn muộn (khuyến khích nam nữ kết hôn sau tuổi 24, trước 30 tuổi), phụ nữ sinh con thứ hai trước 35 tuổi, không kết hôn cận huyết thống.

c) Lồng ghép, triển khai có hiệu quả các vấn đề truyền thông về dân số và phát triển, chú trọng nội dung về mất cân bằng giới tính khi sinh, chẩn đoán sàng lọc trước sinh và sơ sinh, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi vào các đề án, dự án của ngành.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, các sở, ngành liên quan chủ động đưa nội dung truyền thông giáo dục dân số, sức khỏe tình dục, sức khỏe vị thành niên, phòng chống tảo hôn, giới và bình đẳng giới theo hướng dẫn của ngành Giáo dục, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội vào các trường phổ thông.

b) Phối hợp với Sở Y tế tăng cường tuyên truyền, giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản, giới và giới tính; dịch vụ thân thiện cho vị thành niên/thanh niên trong trường phổ thông.

7. Báo Đồng Nai, Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai tăng thời lượng phát sóng, đa dạng hóa về nội dung và hình thức, nâng cao chất lượng tuyên truyền về dân số và phát triển trong các chương trình, chuyên mục.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn hệ thống Mặt trận Tổ quốc, tổ chức đoàn thể các cấp đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động các cấp hội, đơn vị trực thuộc, đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt chính sách và công tác dân số trong tình hình mới; Triển khai thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” gắn với thực hiện các nội dung truyền thông công tác dân số.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh

Triển khai thực hiện Kế hoạch tại địa phương, chỉ đạo phối hợp liên ngành, lồng ghép truyền thông các nội dung về dân số và phát triển với các chương trình truyền thông khác phù hợp với tình hình thực tế đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Kế hoạch; chủ động cân đối nguồn lực và huy động các nguồn lực khác để đầu tư bổ sung đáp ứng nhu cầu công tác dân số.

Giao các sở, ban, ngành, các tổ chức đoàn thể, UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ trước ngày 10 tháng 12 hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (thông qua Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình) để tổng hợp; giao Sở Y tế làm đầu mối hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch, tổng hợp kết quả, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Y tế theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế, Tổng cục Dân số (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KGVX, KTNS, Công TTĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoà Hiệp